

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 175 /BVTV-ATPMT
V/v hướng dẫn Doanh nghiệp sản xuất thực
phẩm có nguồn gốc thực vật thực hiện việc
đăng ký xuất khẩu vào Trung Quốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
Các Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh/thành
Các Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật cấp tỉnh/thành
Các Doanh nghiệp xuất khẩu nông sản sang Trung Quốc
Các tổ chức, cá nhân liên quan

Từ năm 2022, theo quy định của Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC), việc đăng ký Doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu vào Trung Quốc được thực hiện trực tuyến trên website <https://cifer.singlewindow.cn> và căn cứ vào thẩm quyền quản lý được Bộ Nông nghiệp và PTNT phân công, Cục Bảo vệ thực vật hướng dẫn Doanh nghiệp sản xuất thực phẩm có nguồn gốc thực vật thực hiện đăng ký xuất khẩu vào Trung Quốc như sau:

1. Phạm vi đăng ký

1.1 Thực phẩm có nguồn gốc thực vật đăng ký qua Cục Bảo vệ thực vật (Điều 7 – Lệnh 248 của Tổng cục Hải quan Trung quốc (GACC)

- Ngũ cốc dùng làm thực phẩm: đề cập đến các sản phẩm từ hạt, rễ và củ của cây trồng như ngũ cốc và khoai, chủ yếu bao gồm các sản phẩm ăn được từ hạt của các loại cây thân thảo sau khi chế biến thô, chẳng hạn như gạo, yến mạch và cao lương.
- Sản phẩm bột ngũ cốc: dùng để chỉ các sản phẩm dạng bột mịn được làm từ việc nghiền và lọc hạt hoặc rễ, củ các loại cây trồng như trái cây, quả hạch, ... thành bột ăn được (trừ các sản phẩm theo phạm vi quản lý của Bộ Công thương – ngũ cốc, khoai như bột mì hoặc bột meslin, bột ngũ cốc, ngô, khoai, sắn, inulin, gluten ...).
- Các loại rau tươi, rau tách nước và đậu khô: các loại rau tươi hoặc các sản phẩm rau khô được chế biến bằng cách giữ tươi, khử nước, sấy khô và các quá trình sấy khô khác và đậu khô.
- Gia vị nguồn gốc tự nhiên: chỉ các sản phẩm thực vật tự nhiên như quả, hạt, hoa, rễ, thân, lá, vỏ hoặc toàn cây, có thể được sử dụng trực tiếp với các chức năng làm thơm, tạo mùi và gia vị.
- Quả hạch và các loại hạt: quả hạch dùng để chỉ hạt của cây thân gỗ có vỏ cứng, bao gồm quả óc chó, hạt dẻ, hạt mơ, hạt hạnh nhân, quả hồ đào, hạt dẻ cười, hạt torreyia grandis, hạt mắc-ca và hạt thông, ... Hạt dùng để chỉ hạt của các loại thực vật như dưa, quả, rau bao gồm cả hạt dưa hấu và hạt bí ngô.
- Trái cây khô: dùng để chỉ các sản phẩm trái cây tươi được sấy khô bằng quá trình phơi nắng, sấy khô và các quá trình khử nước khác.

- Hạt cà phê và cacao chưa rang

1.2 Loại hình Doanh nghiệp đăng ký theo Lệnh 248

PP – Doanh nghiệp sản xuất/chế biến

CS – Doanh nghiệp kho lạnh

DS – Doanh nghiệp kho thường

Lưu ý: Doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu thực phẩm (không đăng ký theo Lệnh 248) phải cung cấp thông tin qua hệ thống quản lý hồ sơ đăng ký và nộp đơn đăng tại website <http://ire.customs.gov.cn/>. Sau khi gửi thông tin đăng ký, doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu thực phẩm sẽ nhận được số series do hệ thống quản lý hồ sơ cung cấp. Doanh nghiệp có thể sử dụng số series này để kiểm tra quy trình nộp hồ sơ đăng ký và sửa đổi thông tin nộp hồ sơ đăng ký. Tổng cục Hải quan Trung Quốc sẽ lưu hồ sơ của các doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu và công bố danh sách trên website của Tổng cục Hải quan Trung Quốc. Thông tin được công bố sẽ bao gồm hoạt động kinh doanh, tên doanh nghiệp thương mại hoặc đại lý xuất khẩu, quốc gia (khu vực).

2. Thực hiện đăng ký

Bước 1: Doanh nghiệp đề nghị Cục Bảo vệ thực vật cấp tài khoản (account) cho Doanh nghiệp

Doanh nghiệp cung cấp các thông tin sau bằng tiếng Anh qua email qlattpmt.bvtv@mard.gov.vn:

Username: *Doanh nghiệp đề xuất*

Password: *Doanh nghiệp đề xuất*

Số đăng ký: *Số đăng ký Doanh nghiệp tại Việt Nam/Mã số thuế*

Workplace: *Tên tiếng Anh của Doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*

Contacts: *Tên người liên lạc*

Số điện thoại:

Địa chỉ liên lạc:

Email:

Loại hàng hóa dự định xuất khẩu: *Xem mục 1.1*

Loại hình doanh nghiệp: *Xem mục 1.2*

Bước 2: Cục Bảo vệ thực vật thực hiện việc cấp tài khoản cho Doanh nghiệp

Cục Bảo vệ thực vật thực hiện việc đăng ký tài khoản cho doanh nghiệp trên website <https://cifer.singlewindow.cn> và thông báo cho Doanh nghiệp tài khoản đã được cấp (gồm user name và password)

Bước 3: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký online

- Doanh nghiệp sử dụng account và password được Cục Bảo vệ thực vật thông báo tại bước 2 để truy cập website <https://cifer.singlewindow.cn> và thực hiện việc đăng ký xuất khẩu nông sản sang Trung Quốc.

Các thao tác trên website được hướng dẫn cụ thể trong tài liệu hướng dẫn sử dụng (Single Window User Manual) của GACC (*xem file đính kèm*).

Mỗi một lần đăng ký được 1 nhóm sản phẩm theo phân loại của GACC. Nếu đăng ký nhóm 2 trở đi, thực hiện từ đầu như đăng ký lần 1.

- Hồ sơ đăng ký:

a/ Các giấy tờ do GACC yêu cầu gồm:

- i. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- ii. Bản cam kết của doanh nghiệp (**theo mẫu số 1**)
- iii. Sơ đồ sản xuất

Các giấy tờ nêu trên cần được ký tên, đóng dấu theo quy định và đính kèm bản scan khi đăng ký online.

b/ Các giấy tờ do Cục Bảo vệ thực vật yêu cầu để xác nhận cho Doanh nghiệp theo yêu cầu của GACC đối với cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu, gồm:

i. Một trong các loại giấy chứng nhận sau:

- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT.
- Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
- Giấy chứng nhận Thực hành sản xuất tốt (GMP)
- Giấy chứng nhận Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP)
- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000
- Giấy chứng nhận Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS)
- Giấy chứng nhận Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC)
- Giấy chứng nhận Hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000)
- hoặc giấy chứng nhận tương đương

ii. Bản thuyết minh điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của Doanh nghiệp (**theo mẫu số 2**).

iii. Bản xác nhận kiểm dịch thực vật của Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp tỉnh/thành phố theo thẩm quyền quản lý quy định tại Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT quy định về kiểm dịch thực vật nội địa (**theo mẫu số 3**).

Các giấy tờ nêu trên cần được ký tên, đóng dấu theo quy định và gửi bản scan về Cục Bảo vệ thực vật qua email qlattpmt.bvtv@mard.gov.vn.

Ghi chú: Khi GACC có những thay đổi về yêu cầu đăng ký, Cục Bảo vệ thực vật sẽ có những điều chỉnh thích hợp để phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng các yêu cầu của GACC.

Bước 4: Sau khi kiểm tra hồ sơ, Cục Bảo vệ thực vật sẽ gửi hồ sơ tới GACC nếu hồ sơ đạt yêu cầu.

Bước 5: Doanh nghiệp theo dõi quá trình đăng ký và nhận phản hồi của Cục Bảo vệ thực vật và GACC trực tiếp trên website.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, liên hệ: Cục Bảo vệ thực vật qua Phòng An toàn thực phẩm và môi trường. Địa chỉ: 149 Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội. Điện thoại: 024.35334036/024.35379743. Email qlattpmt.bvtv@mard.gov.vn để kịp thời xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Thanh Nam (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- VP.SPSVN (để phối hợp);
- Lưu: VT, ATTPMT.

KT. CỤC TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG



Huỳnh Tấn Đạt

DECLARATION OF THE MANUFACTURER

Attention to: General Administration of China Customs (GACC)

We hereby declare that the information and related materials submitted by this manufacturer are true and complete, and can meet the relevant regulations of China and Vietnam and the *Regulations of the People's Republic of China on the Registration and Administration of Overseas Manufacturers of Imported Food*.

Name of the manufacturer:

Name of the legal representative:

Position:

Signature and seal of the legal representative

Date:

Mẫu số 2- Thông tin được ghi bằng 2 ngôn ngữ Việt và Anh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM/
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

....., ngày..... tháng..... năm.../Date

BẢN THUYẾT MINH

**Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất thực phẩm có nguồn
gốc thực vật/ Interpretation of requirements for compliance with food safety
regulations**

I- THÔNG TIN CHUNG/General information

1. Tên cơ sở sản xuất/Name of manufacturer:

.....
.....

2. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập/ Business registration certificate
or establishment decision:

.....

Mã số doanh nghiệp/Registration number:

4. Địa chỉ nơi đặt trụ sở/Address of head office:

.....
.....

5. Địa chỉ cơ sở sản xuất/Address of production place:

.....
.....

5. Loại hình sản xuất/Type of production

DN nhà nước/State-owned enterprised ☐

DN 100% vốn nước ngoài/Foreign owned enterprised ☐

DN liên doanh với nước ngoài/ Joint venture enterprises with foreign countries ☐

DN Cổ phần/Joint stock enterprises ☐

DN tư nhân/Private enterprise ☐

Khác (ghi rõ loại hình)/Other (specify type):

6. Năm bắt đầu hoạt động/*Time to start operating (year)*:
7. Công suất thiết kế/*Design capacity*:
8. Sản lượng sản xuất (thống kê 3 năm trở lại đây)/*Production output (last 3 years statistics)*:
-
9. Thị trường tiêu thụ chính/*Main consumer market*::

II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM/ *PRODUCT DESCRIPTION*

TT	Tên sản phẩm / <i>Name of product</i>	Nguyên liệu/ <i>Input materials</i>		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì/ <i>Packing method and information on the package</i>
		Tên nguyên liệu/ <i>Name of materials</i>	Nguồn gốc/ xuất xứ/ the origin	

III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT/ *SUMMARY OF CURRENT CONDITION OF PRODUCTION FACILITIES*

1. Nhà xưởng, trang thiết bị/ *Factory, equipment*

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất/*Total area of production*m² , trong đó/in which:

- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/*Material receiving area*:m²
- + Khu vực sản xuất/*Production area*:m²
- + Khu vực đóng gói thành phẩm/*Finished product packing area*:m²
- + Khu vực bảo quản thành phẩm/*Finished product storage area*:m²
- + Khu vực sản xuất khác/*Other production areas*:m²

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất/*Layout plan of production site*:::

2. Trang thiết bị chính/*Main equipment*:

Tên thiết bị/ <i>Name of equipment</i>	Số lượng/ <i>Quantity</i>	Nước sản xuất/ <i>The origin</i>	Tổng công suất/ <i>Total capacity</i>	Năm bắt đầu sử dụng/ <i>Year started using</i>

3. Hệ thống phụ trợ/*Auxiliary system*

- Nguồn nước đang sử dụng/*Water source in use*

Nước máy công cộng/*Public tap water* ☐

Nước giếng khoan/*Well water* ☐

Hệ thống xử lý/*Treatment system*: Có/*Yes* ☐ Không/*No* ☐

Phương pháp xử lý/*Treatment method*:

.....

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có)/ *Source of ice used (if any)*

Tự sản xuất/*Self-produced* ☐ Mua ngoài/*Purchased* ☐

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá/*Method of controlling ice quality*::

.....
.....

4. Hệ thống xử lý chất thải/*Waste treatment system*

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý/*Method of collection, transportation and treatment*:

.....
.....

5. Người sản xuất/*Manpower*

- Tổng số/*Total*:người/*men*, trong đó/*in which*

+ Lao động trực tiếp/*Direct labor*:người/*men*.

+ Lao động gián tiếp/*Indirect labor*:người/*men*.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định/*Number of people (owners of establishments, people directly engaged in production and business) who are checked for health according to regulations*:

.....

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP/*Number of people (owners of establishments, people directly engaged in production and business) who are granted certificates of knowledge about food safety*:

.....

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP/ *Number of people (owners of establishments, people directly engaged in production and business) exempted from issuance of certificates of food safety knowledge:*

.....

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị/*Cleaning factory, equipment*

- Tần suất làm vệ sinh/*Cleaning frequency:*

- Nhân công làm vệ sinh/ *Cleaning workers:*người/men; trong đó/*in which:*

Nhân công của cơ sở/*Employees of the establishment:*

Nhân công thuê ngoài/*Outsourced workers:*

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/ chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng/
List of chemicals, additives / supplements, detergents-disinfectants used:

Tên hóa chất/Product name	Thành phần chính/ Main ingredient	Nước sản xuất/The origin	Mục đích sử dụng/ Purpose of use	Nồng độ/ Concentration

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,...)/ *Quality management system being applied (HACCP, ISO,...)*

9. Phòng kiểm nghiệm/*Testing Laboratory*

- Cửa cơ sở/*Establishment's Lab* ☐

Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích/ *The criteria can be analyzed:*

.....

- Thuê ngoài/ *Outsourced Lab* ☐

Tên những Phòng thử nghiệm gửi phân tích/*Name of Lab:*

.....

10. Những thông tin khác (nếu có)/ *Other information (if any)*

Sẵn có và cam kết tuân thủ các yêu cầu về an toàn thực phẩm của Trung Quốc/
Availability and commitment to comply with China's food safety requirements

Tên tiêu chuẩn/ <i>Name of standard</i>	Có/Yes	Không/No
1. Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia Sản xuất Thực phẩm Quy tắc Vệ sinh Chung (GB14881-2013).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

<i>National Food Safety Standard Food Production General Hygiene Code (GB14881-2013)</i>		
2. Tiêu chuẩn Quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Tiêu chuẩn Vệ sinh Nước uống (GB5749-2006). <i>National Standard of the People's Republic of China: Sanitation Standard for Drinking Water" (GB5749-2006).</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Giới hạn tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của vi khuẩn gây bệnh trong thực phẩm (GB29921-2013) Bảng 1 <i>National Food Safety Standard Limits of Pathogenic Bacteria in Foods (GB29921-2013) Table 1</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia về Sử dụng Phụ gia Thực phẩm (GB2760-2014). <i>National Food Safety Standard for Use of Food Additives (GB2760-2014).</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Giới hạn tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của độc tố nấm mốc trong thực phẩm (GB 2761-2017). <i>National Food Safety Standard Limits of Mycotoxins in Foods (GB 2761-2017).</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia Giới hạn của Chất gây ô nhiễm trong Thực phẩm (GB2762-2017) <i>National Food Safety Standard Limits of Contaminants in Food (GB2762-2017)</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7. Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia về Giới hạn Dư lượng Tối đa của Thuốc trừ sâu trong Thực phẩm (GB 2763-2021). <i>National Food Safety Standard for Maximum Residue Limits of Pesticides in Foods (GB 2763-2021).</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8. Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) Yêu cầu chung đối với doanh nghiệp sản xuất thực phẩm" (GB / T 27341-2009) <i>Hazard Analysis and Critical Control Points (HACCP) System General Requirements for Food Production Enterprises" (GB/T 27341-2009)</i>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9. Tiêu chuẩn quy định cho từng nhóm thực phẩm/nông sản đăng ký xuất khẩu/ <i>Standards specified for each group of food/agricultural products registered for export.</i> (Liệt kê/List)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật/*We undertake that the above information is true.*

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ/ REPRESENTATIVE OF FACILITIES

(Ký tên, đóng dấu/Signed and sealed)

Mẫu số 3- Thông tin được ghi bằng 2 ngôn ngữ Việt và Anh

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM/
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

....., ngày..... tháng.... năm.../Date

BẢN XÁC NHẬN/ Declaration

Kiểm soát dịch hại/ Pest Control

.....
(tên Cơ quan cấp giấy bằng tiếng Việt và tiếng Anh)

XÁC NHẬN/ Declaration

1. Tên cơ sở sản xuất/Name of manufacturer:

.....
.....

2. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập/ Business registration certificate
or establishment decision:

.....

Mã số doanh nghiệp/Registration number:

4. Địa chỉ nơi đặt trụ sở/Address of head office:

.....
.....

5. Địa chỉ cơ sở sản xuất/Address of production place:

.....
.....

KIỂM SOÁT DỊCH HẠI/Pest Control

Tiêu chí/Criteria	Điều kiện và cơ sở/ Conditions and basis	Điền vào các yêu cầu và tài liệu hỗ trợ/ Fill in the requirements and supporting materials	Điểm đánh giá/Review points	Xác định sự tuân thủ/ Compliance determination
Phòng chống và kiểm soát dịch hại kiểm dịch mã	Biên bản ghi nhớ, Hiệp định và Nghị định thư về Kiểm tra và Kiểm dịch đối với loại thực phẩm	Doanh nghiệp phải đệ trình danh sách các loài gây hại kiểm dịch mà phía Trung Quốc	Doanh nghiệp cần thực hiện các biện pháp hữu hiệu trong quá trình sản xuất và	<input type="checkbox"/> Phù hợp/ Conform

<p>Trung Quốc quan tâm</p> <p><i>Prevention and control of quarantine pests of concern to China</i></p>	<p>đăng ký xuất khẩu sang Trung Quốc</p> <p><i>Memorandum, Agreement and Protocol on Inspection and Quarantine</i></p>	<p>quan tâm, cũng như hệ thống giám sát và kết quả giám sát</p> <p><i>The enterprise shall submit the list of quarantine pests of concern to the Chinese side, as well as the monitoring system and monitoring results.</i></p>	<p>bảo quản để sản phẩm không bị nhiễm dịch hại, theo dõi kiểm dịch dịch hại mà Trung Quốc lo ngại và lưu hồ sơ theo dõi không dưới 2 năm</p> <p><i>Enterprises should take effective measures during production and storage to prevent products from being infected by pests, monitor quarantine pests that China is concerned about, and keep monitoring records for no less than 2 years.</i></p>	<p><input type="checkbox"/> Không phù hợp/ <i>Not conform</i></p>
<p>Nhận dạng dịch hại</p> <p><i>Pest identification</i></p>	<p>Biên bản ghi nhớ, Hiệp định và Nghị định thư về Kiểm tra và Kiểm dịch đối với loại thực phẩm đăng ký xuất khẩu sang Trung Quốc/ <i>Memorandum, Agreement and Protocol on Inspection and Quarantine</i></p>	<p>Doanh nghiệp phải nộp hồ sơ về sinh vật gây hại được tìm thấy trong quá trình sản xuất và lưu giữ và hồ sơ xác định của tổ chức chuyên môn được ủy thác.</p> <p><i>The enterprise shall submit the records of harmful organisms found in the production and storage process and the identification records of the entrusted professional institutions.</i></p>	<p>Doanh nghiệp cần có khả năng xác định các sinh vật gây hại được tìm thấy trong quá trình sản xuất và lưu giữ, hoặc ủy thác cho các tổ chức chuyên môn thực hiện việc xác định và lập hồ sơ công việc, hồ sơ này phải được lưu giữ không dưới 2 năm.</p> <p><i>Enterprises should have the ability to identify harmful organisms found in the process of production and storage, or entrust professional institutions to carry out identification, and establish work records, which should be kept for no less than 2 years.</i></p>	<p><input type="checkbox"/> Phù hợp/ <i>Conform</i></p> <p><input type="checkbox"/> Không phù hợp/ <i>Not conform</i></p>
<p>Kiểm soát sâu bệnh</p> <p><i>Pest Control</i></p>	<p>Biên bản ghi nhớ, Hiệp định và Nghị định thư về Kiểm tra và Kiểm dịch đối với loại thực phẩm đăng ký xuất khẩu sang Trung Quốc</p> <p><i>Memorandum, Agreement and Protocol on Inspection and Quarantine</i></p>	<p>Doanh nghiệp nộp hồ sơ về việc thực hiện các biện pháp phòng trừ sinh vật gây hại tại khu vực sản xuất và bảo quản.</p> <p><i>The enterprise submits records of the implementation of pest control measures in</i></p>	<p>Doanh nghiệp phải thường xuyên hoặc khi cần thiết, thực hiện các biện pháp kiểm soát dịch hại trong khu vực sản xuất và bảo quản, các biện pháp kiểm soát liên quan phải được ghi chép và lưu giữ không dưới 2 năm.</p>	<p><input type="checkbox"/> Phù hợp/ <i>Conform</i></p> <p><input type="checkbox"/> Không phù hợp/ <i>Not conform</i></p>

		<i>production and storage areas.</i>	<i>Enterprises should regularly or when necessary, implement pest control measures in production and storage areas, and relevant control measures should be recorded and kept for not less than 2 years.</i>	
<p>Xử lý khử trùng (nếu cần)</p> <p><i>Fumigation treatment (if necessary)</i></p>	<p>Biên bản ghi nhớ, Hiệp định và Nghị định thư về Kiểm tra và Kiểm dịch đối với loại thực phẩm đăng ký xuất khẩu sang Trung Quốc</p> <p><i>Memorandum, Agreement and Protocol on Inspection and Quarantine</i></p>		<p>Phương pháp xử lý hun trùng phải đáp ứng các yêu cầu của phía Trung Quốc, các cơ sở và nhân viên thực hiện quá trình hun trùng phải có trình độ hoặc điều kiện liên quan.</p> <p><i>The fumigation treatment method should meet the requirements of the Chinese side, and the institutions and personnel implementing fumigation should have relevant qualifications or conditions.</i></p>	<p><input type="checkbox"/> Phù hợp/ <i>Conform</i></p> <p><input type="checkbox"/> Không phù hợp/ <i>Not conform</i></p>

Nhận xét (nếu có) /*Remark (if any)*

.....

.....

....., ngày tháng năm/....., *day/month/year*

(Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu)